TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 20

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Có bao nhiêu số có hai chữ số lớn hơn 33 và bé hơn 37?

A. 5 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 3

Câu 2. Trong số 58, chữ số 8 có giá trị là:

A. 80 **B.** 58 **C.** 8 đơn vị **D.** 8 chục

Câu 3. Hai số hạng là 55 và 29. Tổng của chúng là:

A. 74 **B.** 84 **C.** 85 **D.** 94

Câu 4. Kết quả của phép tính 41 − 22 + 34 là:

A. 49 **B.** 53 **C.** 43 **D.** 63

Câu 5. Thứ Tư tuần này là ngày 11 tháng 12. Thứ Tư tuần sau là ngày:

A. ngày 17 **B.** ngày 18 **C.** ngày 12 **D.** ngày 19

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 9 **B.** 7 **C.** 10 **D.** 8

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính:

a) 35 + 8 + 30 = ……

b) 47 + 39 − 26 = ……

c) 74 + 8 − 21 = ……

d) 23 l + 29 l − 21 l = …… l

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 59 + 8 = ……

b) 71 − 27 = ……

c) 44 − 9 = ……

d) 67 + 18 = ……

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 59 + 17 = 76	
b) Số liền trước của 78 là 77	
c) 3 dm = 3 cm	
d) Tháng 12 có 31 ngày	

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

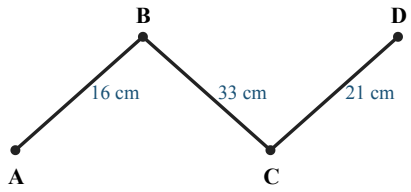
a) 4 dm = …… cm

b) 90 cm = …… dm

c) 8 dm 7 cm = …… cm

d) 3 dm + 22 cm = …… cm

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Hoa có 41 nhãn vở. Hoa cho Trang 19 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Hoa 11 nhãn vở. Hỏi lúc này Hoa có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Trang, Hoa còn: …… nhãn vở

b) Lúc này Hoa có: …… nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 20

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	B	B	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 35 + 8 = 43; 43 + 30 = 73

b) 47 + 39 = 86; 86 − 26 = 60

c) 74 + 8 = 82; 82 − 21 = 61

d) 23 + 29 = 52; 52 − 21 = 31

Bài 2.

a) 59 + 8 = 67

b) 71 − 27 = 44

c) 44 − 9 = 35

d) 67 + 18 = 85

Bài 3.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 4.

a) 40

b) 9

c) 80 + 7 = 87

d) 30 + 22 = 52

Bài 5.

a) 16 + 33 + 21 = 70 (cm)

b) 70 cm = 7 dm

Bài 6.

Sau khi cho: 41 − 19 = 22 (nhãn vở)

Lúc này: 22 + 11 = 33 (nhãn vở)